

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**  
**PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG**  
**BỘ PHẬN THỬ NGHIỆM VLAT-1.0206, ISO 17025 : 2017**

Địa chỉ: Tổ 6 Chiềng Lề, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La  
 Tel: 1900636761 Email: [sowasucom@gmail.com.vn/](mailto:sowasucom@gmail.com.vn/)

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
 Số: 693/2025

**Tên đơn vị yêu cầu** : Chi nhánh cấp nước Mộc Châu  
**Vị trí lấy mẫu** : Nước thô mố Bưu Điện  
**Loại mẫu** : Nước dưới đất - Mã số 47/T10/2025  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Biên bản giao mẫu** : Số 693/BB ngày 06 tháng 10 năm 2025  
**Ngày phân tích** : 07/10/2025 - 08/10/2025



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

| TT | Thông số                                       | Đơn vị        | Kết quả                  | QCVN<br>09:2023/BTNMT | Phương pháp<br>phân tích           |
|----|------------------------------------------------|---------------|--------------------------|-----------------------|------------------------------------|
| 1  | Sắt                                            | mg/L          | KPH<br><i>Lod: 0.1</i>   | 5                     | TCVN 6177:1996                     |
| 2  | pH                                             | -             | 7.45                     | 5.8 – 8.5             | Theo phương pháp nội<br>bộ PPNB-01 |
| 3  | Chỉ số Pemanganat                              | mg/L          | KPH<br><i>Lod: 0.20</i>  | 4                     | TCVN 6186:1996                     |
| 4  | Độ cứng tổng (tính theo<br>CaCO <sub>3</sub> ) | mg/L          | 240                      | 500                   | TCVN 6224:1996                     |
| 5  | Nitrit (NO <sub>2</sub> tính theo N)           | mg/L          | 0.05                     | 1                     | TCVN 6178:1996                     |
| 6  | Nitrat (NO <sub>3</sub> tính theo N)           | mg/L          | 0.98                     | 15                    | TCVN 6180:1996                     |
| 7  | Clorua                                         | mg/L          | KPH<br><i>Lod: 2.3</i>   | 250                   | TCVN 6194:1996                     |
| 8  | Mangan                                         | mg/L          | KPH<br><i>Lod: 0.028</i> | 0.5                   | PP/MN                              |
| 9  | Tổng chất rắn hòa tan<br>TDS                   | mg/L          | 272.7                    | 1500                  | PP/TDS                             |
| 10 | Coliform tổng số                               | CFU/<br>100mL | 1                        | 3                     | TCVN 6187-1:2019                   |

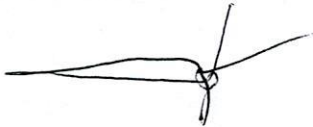
|    |               |               |                      |     |                  |
|----|---------------|---------------|----------------------|-----|------------------|
| 11 | <i>E.coli</i> | CFU/<br>100mL | KPH<br><i>Lod: 1</i> | KPH | TCVN 6187-1:2019 |
|----|---------------|---------------|----------------------|-----|------------------|

**Phụ trách Kỹ thuật  
bộ phận phân tích**



**Nguyễn Hoàng Lân**

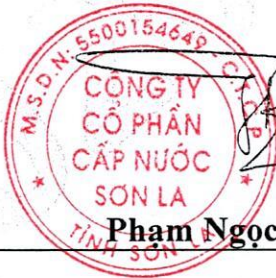
**Kiểm soát**



**Đỗ Quang Phụng**

Sơn La, ngày 15 tháng 10 năm 2025

**P. Tổng giám đốc**



**Phạm Ngọc Dũng**

**Ghi chú:**

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). “-”: Không quy định.
- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do đơn vị gửi đến.
- *Lod* của  $NO_2$  được tính theo  $N = 0.024$ .
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên.
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Tổng giám đốc.

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA**  
**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ KIỂM ĐỊNH**  
**PHÒNG KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098**



Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, tỉnh Sơn La  
 Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
 Số : 2025.10.27.08/TN



- ISO 9001:2015**
- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La  
 02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – phường Tô Hiệu – Tỉnh Sơn La  
 03 Loại mẫu : Nước dưới đất Mỏ Bưư Điện – CNCN Mộc Châu  
 04 Số lượng mẫu : 01  
 05 Biên bản giao mẫu : Số 2025.10.07/BBGM. Ngày 07 tháng 10 năm 2025

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

| TT | Thông số                 | Đơn vị | Kết quả               | QCVN<br>09:2023/<br>BTNMT | Phương pháp<br>phân tích |
|----|--------------------------|--------|-----------------------|---------------------------|--------------------------|
| 1  | Hàm lượng Asen (As)      | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,0007)  | <b>0,05</b>               | TCCS HD – 03/01          |
| 2  | Hàm lượng Cacdimi (Cd)   | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,00054) | <b>0,005</b>              | TCCS HD – 02/01          |
| 3  | Hàm lượng Chì (Pb)       | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,004)   | <b>0,01</b>               | TCCS HD – 02/01          |
| 4  | Tổng Crom (Cr)           | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,0039)  | <b>0,05</b>               | TCCS HD – 02/01          |
| 5  | Hàm lượng Đồng (Cu)      | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,03)    | <b>1</b>                  | TCCS HD – 01/01          |
| 6  | Hàm lượng Kẽm (Zn)       | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,035)   | <b>3</b>                  | TCCS HD – 01/01          |
| 7  | Hàm lượng Niken (Ni)     | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,004)   | <b>0,02</b>               | TCCS HD – 02/01          |
| 8  | Hàm lượng Thủy ngân (Hg) | mg/l   | KPH<br>(Lod: 0,00057) | <b>0,001</b>              | TCCS HD – 04/01          |

